

CHƯƠNG 1

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Là người Việt Nam ai cũng hiểu: Mỗi người dân sinh ra và lớn lên trên đất nước Việt Nam đều phải có một ngôn ngữ và một tiếng nói riêng để giao tiếp với nhau. Vì vậy, Tiếng Việt được dùng là ngôn ngữ chung cho đất nước ta, là phương tiện giao tiếp giữa các dân tộc anh em. Có thể nói tiếng Việt đóng vai trò rất quan trọng đối với mỗi người dân Việt Nam. Bởi vậy mà không những người giáo viên mà nhà trường đóng vai trò quan trọng đến sự phát triển ngôn ngữ của cả một quốc gia, là nơi thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo cho mỗi cấp học, bậc học.

Như chúng ta đã biết trong cuộc sống thường ngày, mối quan hệ giữa người với nhau trong các hoạt động ở mọi lĩnh vực thì giao tiếp đóng vai trò rất quan trọng. Giao tiếp giúp chúng ta có thể truyền đạt những tâm tư, nguyện vọng, tình cảm nhằm thiết lập các mối quan hệ, sự hiểu biết, sự cộng tác giữa các thành viên trong xã hội... để có thể hiểu biết lẫn nhau. Giao tiếp tốt sẽ giúp chúng ta thành công nhiều hơn trong các lĩnh vực. Con người chúng ta giao tiếp với nhau bằng nhiều phương tiện như: dùng hành động, viết thư, cử chỉ... nhưng phương tiện thông dụng nhất chúng ta thường dùng đó chính là ngôn ngữ giao tiếp bằng tiếng Việt. Để giao tiếp tốt thì con người chúng ta phải sử dụng thành thạo ngôn ngữ tiếng Việt, diễn đạt nó một cách rõ ràng, mạch lạc và tự tin hơn.

Trên đất nước ta có 54 dân tộc anh em, mỗi dân tộc đều có một ngôn ngữ riêng để diễn đạt, giao tiếp với nhau. Tuy nhiên, mỗi người ngay từ khi cắp sách đến trường thì đều phải sử dụng tiếng nói chung để giao tiếp với nhau đó là tiếng Việt. Việc sử dụng tiếng Việt để giao tiếp đối với các em dân tộc Kinh thì quá dễ dàng nhưng ngược lại việc sử dụng tiếng Việt khi giao tiếp với

các em học sinh vùng dân tộc thiểu số lại càng khó khăn hơn. Nó khiến các em khó khăn trong việc lĩnh hội tri thức, khiến các em trở nên rụt rè, e ngại hơn.

Nơi tôi công tác là một trường khó khăn ở huyện Trà Bồng các em giao tiếp bằng tiếng Việt luôn gặp nhiều khó khăn đặc biệt là các em lớp 1, đa số các em giao tiếp với nhau bằng tiếng Co. Các em ít tiếp xúc với môi trường bên ngoài dẫn đến vốn từ của các em còn hạn chế, dùng từ không đúng, hay nói câu ngược, câu không có chủ ngữ và vị ngữ... nên các em rất rụt rè, ngại giao tiếp. Vì thế bản thân tôi cũng như các giáo viên trong trường luôn chú trọng đến việc xây dựng môi trường ngôn ngữ bằng tiếng Việt cho các em học sinh nhằm giúp các em mạnh dạn, tự tin, cởi mở trong giao tiếp từ đó giúp các em ngày càng tiến bộ trong học tập. Tôi nhận thức được tầm quan trọng của việc tăng cường khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ tiếng Việt cho học sinh để nâng cao chất lượng nơi mình công tác. Với tâm huyết với nghề tôi đã suy nghĩ và tìm tòi đề ra một số giải pháp giúp các em mạnh dạn, tự tin, tiếp thu kiến thức một cách tốt nhất, đảm bảo chất lượng dạy và học góp phần xóa bỏ tình trạng học sinh không biết đọc, biết viết. Tôi thiết nghĩ **“Một số biện pháp nâng cao năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 1”** là điều cần thiết, đặc biệt là các em vùng thiểu số. Nó không những đưa ra những nguyên nhân, những giải pháp nhằm giúp cho việc giao tiếp bằng tiếng Việt của các em được lưu loát, mạnh dạn, tự tin hơn mà còn giúp các em nâng cao kết quả học tập. Chính vì thế tôi muốn chia sẻ những giải pháp này đến những giáo viên như tôi để cùng nhau trao đổi, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm. Đó cũng chính là lí do tôi chọn đề tài nghiên cứu này.

CHƯƠNG 2

NỘI DUNG

1.1 Thời gian thực hiện:

Hiểu được vấn đề trên, tôi đã bắt đầu áp dụng và triển khai ngay vào đầu năm học 2022 - 2023 khi nhận lớp của mình. Đó chính là lớp 1C + 2 điểm lẻ trường Tiểu học Trà Phong nơi tôi công tác.

2.2 Đánh giá thực trạng:

Đa số các em học sinh là người dân tộc thiểu số, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ phải lao động vất vả nên không có thời gian để quan sát hết các hành động hoặc lời nói của con nên hầu hết các em còn chậm trong giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp bằng ngôn ngữ tiếng Việt là một vấn đề mà xã hội đáng quan tâm. Tuy nhiên khi đến trường các em phải sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt để thuận lợi cho việc học tập lại khiến các em luôn gặp nhiều khó khăn. Việc chậm trong giao tiếp ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển về nhiều mặt của các em, nó tác động tiêu cực đến việc tiếp thu kiến thức, trao đổi thông tin, bày tỏ ý kiến,... của các em. Vì vậy mà chất lượng dạy học chưa được nâng cao. Đặc biệt để học sinh có thể giao tiếp tốt thì ngay từ khi bước vào lớp 1 giáo viên cần phải hình thành ngay kỹ năng giao tiếp cho các em, để từ đó các em có thể giao tiếp tốt, học tốt hơn đối với các lớp trên.

Hiểu rõ được tầm quan trọng này, đặc biệt càng thấy rõ vai trò của những người giáo viên khi dạy các em nhỏ tuổi nên tôi đã tìm tòi, vận dụng những hiểu biết và những kinh nghiệm từ đồng nghiệp để tìm ra một số biện pháp tăng cường khả năng ngôn ngữ giao tiếp cho học sinh lớp 1, đặc biệt là học sinh vùng thiểu số.

* Thuận lợi

- Trường Tiểu học Trà Phong luôn được sự quan tâm và giúp đỡ của chính quyền địa phương. Ban giám hiệu nhiệt tình giúp đỡ giáo viên thực hiện công

tác giáo dục HS.

- Cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học của trường tương đối đầy đủ, khang trang, môi trường giáo dục của trường thân thiện, lành mạnh, tạo sân chơi thiết thực và hứng thú cho HS khi đến trường.

- Học sinh ngoan, lễ phép, biết nghe lời thầy cô giáo và người lớn tuổi.

- Thiết bị phục vụ dạy học tương đối đầy đủ cho giáo viên giảng dạy.

- Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình, năng động, sáng tạo trong các hoạt động dạy học, luôn cố gắng học hỏi và tìm tòi những giải pháp hay và thiết thực.



Hình 1: Tập thể giáo viên trường TH Trà Phong

*** Khó khăn:**

- Trường tiểu học Trà Phong là một trường nằm ở phía Tây, vùng khó khăn của huyện Trà Bồng. Địa bàn của trường rộng, đường sá đi lại gặp rất nhiều khó khăn đặc biệt là vào mùa mưa, dễ sạt lở, lũ quét, làm chia cắt các

tuyên đường. Nhà trường có 3 điểm trường lẻ và 1 điểm trường chính trải dài trên 5 thôn, đồng bào dân tộc thiểu số gồm người dân tộc Co, Kdong,... nhiều nhất là người Co. Trình độ học vấn của người dân còn thấp, cuộc sống khó khăn, nghèo khổ. Bản thân tôi vừa giảng dạy vừa làm công tác chủ nhiệm trong nhiều năm cũng tìm hiểu được một số nguyên nhân HS ngại giao tiếp rất rụt rè nhút nhát chưa tham gia tốt vào các hoạt động học tập cũng như vui chơi có những nguyên nhân sau:

- Trong cuộc sống, giao tiếp là hình thức cơ bản để con người phát triển tư duy và hình thành nhân cách. Đối với HS miền núi, nông thôn quan hệ giao tiếp của người dân không được rộng rãi như ở thành thị, các em còn sử dụng ngôn ngữ của bản địa để giao tiếp, vốn sống, vốn từ giao tiếp qua lại với nhau còn hạn chế đã ảnh hưởng rất lớn đến khả năng dùng từ, diễn đạt của các em. Nguyên nhân này làm hạn chế các em khi phát biểu hay diễn đạt trước tập thể.

- Địa hình trắc trở nên các em ngại đến tham gia các hoạt động do trường tổ chức, đặc biệt là các hoạt động vào buổi chiều, vì các em sợ về trễ.

- Với tính cách của người đồng bào dân tộc thiểu số là ngại trước đám đông, chính vì thế một bộ phận các em học sinh tại trường còn chưa mạnh dạn tham gia vào các hoạt động tập thể tại trường. Do đó các em chưa có các kỹ năng thể hiện những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

2.2.1 Kết quả đạt được

2.2.1.1. Tình hình trường Tiểu học Trà Phong:

Được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Phòng giáo dục và đào tạo Trà Bồng.

Trường lớp khang trang, sạch đẹp.

Có đội ngũ giáo viên tương đối trẻ, giảng dạy nhiệt tình. Có tinh thần, trách nhiệm cao trong công việc.

Thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên dần đảm bảo.

2.2.1.2. Tình hình lớp chủ nhiệm 1C:

- Được Ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm đến chất lượng dạy và học.

- Các ban ngành, đoàn thể luôn tạo điều kiện, thiện nguyện giúp đỡ về mọi mặt.

- Các em đều chăm ngoan, lễ phép với mọi người, tích cực học tập rèn luyện.

- Các em tham gia đầy đủ, nhiệt tình các hoạt động do nhà trường tổ chức.

- Học sinh mạnh dạn hơn không còn rụt rè nhút nhát và khi giao tiếp bạn bè và giáo viên và người lớn tuổi.

Bản thân luôn có tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm, năng nổ, nhiệt tình trong công tác. Được đồng nghiệp đi trước chia sẻ nhiều kinh nghiệm trong công tác.

2.2.2 Những mặt còn hạn chế:

2.2.2.1 Đối với giáo viên:

- Giáo viên chưa có điều kiện tìm hiểu đặc điểm tâm lí, môi trường sống của các em, chưa thực sự thông cảm với những khó khăn mà học sinh gặp phải nên khi tiến hành hỏi đáp chỉ tập trung yêu cầu các em hay nói câu trả lời.

- Một số giáo viên trẻ chưa hiểu và nói được tiếng địa phương, nên rất khó khăn trong việc truyền đạt kiến thức dẫn đến giáo viên khó khăn trong việc lựa chọn ngôn từ đặt ra câu hỏi giúp các em dễ dàng tiếp thu kiến thức.

- Một số giáo viên còn xem nhẹ thời gian truy bài 15' đầu giờ, nên giáo viên thường để thời gian chết, mặc kệ các em làm gì, không quan tâm nên không tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt cho các em.

- Trong quá trình dạy tiếng Việt cho các em, một số giáo viên còn xem nhẹ việc luyện nói cho các em mà chủ yếu chú trọng đến kĩ năng đọc, viết, thời lượng dành cho việc luyện nói thì cho học sinh còn quá ít.

- Đặc biệt giáo viên lại ít quan tâm đến các em ít nói, nghèo nàn vốn từ, năng lực học còn yếu vì sợ các em này làm mất nhiều thời gian của mình.

Ngoài ra một số câu hỏi giáo viên đặt ra chưa thật phù hợp với các em khiến các em ngày càng trở nên rụt rè, nhút nhát hơn.

2.2.2.2 Đối với học sinh:

- Khả năng giao tiếp của học sinh ngại giao tiếp, sợ người lạ, không tự tin, không dám bày tỏ ý kiến của bản thân.

- Giờ giải lao khi ra chơi đa số các em thường giao tiếp với nhau bằng tiếng mẹ đẻ ít khi sử dụng tiếng phổ thông. Về với gia đình và địa phương các em lại sống trong môi trường thuần tiếng dân tộc, vốn tiếng Việt dần tạm thời bị chìm vào dạng tiềm năng. Do môi trường tiếng Việt bị hạn hẹp chính vì thế nó chính là nguyên nhân, rào cản lớn nhất khi hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt cho các em vùng dân tộc thiểu số.

2.2.3 Nguyên nhân đạt được và nguyên nhân hạn chế

2.2.3.1 Nguyên nhân đạt được:

- Giáo viên nhận được sự chỉ đạo, quan tâm sâu sát của chi bộ Đảng, của Ban Giám Hiệu, của Công đoàn cơ sở cùng sự giúp đỡ của tất cả các đồng nghiệp trong hội đồng sư phạm nhà trường.

- Bản thân luôn năng nổ, luôn tích cực học hỏi, tìm tòi sáng tạo là người trực tiếp giảng dạy các môn cơ bản ở lớp nên thời gian tiếp xúc với lớp chủ nhiệm của mình rất nhiều.

- Bản thân thường xuyên đến gia đình các em để trao đổi với phụ huynh về tình hình học tập của các em cũng như tiếp xúc nói chuyện để học hỏi thêm tiếng địa phương.

2.2.3.2 Nguyên nhân hạn chế:

- Khi bước vào đầu năm học, các em vừa chuyển từ môi trường học tập vui chơi vào một môi trường học tập hoàn toàn mới mẻ, gặp nhiều thầy cô và bạn bè mới khiến các em rất bỡ ngỡ và rụt rè trong giao tiếp, một số em có tâm lý sợ hãi, không tích cực tham gia vào các hoạt động nhiều khi giáo viên hỏi mà không dám trả lời. Môi trường học tập rất mới và lạ khiến các em ngỡ

ngành.

- Ngoài ra các gia đình còn thiếu thốn nhiều về vật chất, điều kiện tiếp xúc với các phương tiện thông tin chưa nhiều, ít có điều kiện tiếp cận với môi trường mới lạ nên ngôn ngữ diễn đạt còn hạn chế.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

3.1 Căn cứ thực hiện:

Mục tiêu giáo dục Tiểu học được xác định trong điều 27 của luật giáo dục “ Giáo dục Tiểu học nhằm giúp HS hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, phẩm chất thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để HS tiếp tục học Trung học cơ sở”. Chính vì thế, giáo dục Tiểu học là cấp học nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân.

Đặc biệt, theo quan điểm ngành giáo dục hiện nay, chúng ta không chỉ đổi mới cách thức dạy học mà còn đổi mới về cách đánh giá xếp loại học sinh. Việc áp dụng thông tư 27 vào đánh giá, xếp loại yêu cầu các em học sinh với học sinh, học sinh với giáo viên phải trao đổi nhận xét. Để các em có thể tự đánh giá nhận xét được kết quả học tập của bản thân và các bạn thì yêu cầu các em cần phải mạnh dạn, tự tin, và có vốn từ phong phú. Để thực hiện điều này thì bắt buộc giáo viên phải định hướng và tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt cho các em ngay từ cấp học đầu tiên đặc biệt là các em lớp 1.

3.2. Nội dung, phương pháp và cách thức thực hiện:

3.2.1. Nội dung và phương pháp:

3.2.1.1. Nội dung:

Học sinh Tiểu học như mầm cây mới nhú đặc biệt là học sinh lớp 1 ở xã Trà Phong nói riêng và huyện Tây Bồng nói chung rất cần sự che chở, bảo vệ, chăm sóc, uốn nắn không chỉ của thầy cô giáo mà còn của gia đình, và của cả xã hội.

Là một giáo viên tôi nhận thấy rằng tỉ lệ học sinh chậm, giao tiếp kém ít hay nhiều là điều cần được quan tâm, khắc phục đến mức hạn chế có thể. Vậy làm thế nào để các em có thể mạnh dạn, tự tin giao tiếp bằng tiếng Việt tốt, để lĩnh hội kiến thức một cách dễ dàng, làm thế nào để góp phần xây dựng

phong trào học tập tại địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn mới hiện nay? Đó chính là điều các giáo viên như tôi luôn trăn trở.

Đứng trước thực trạng các em học sinh ngại đến lớp vì sợ phải tiếp xúc với người lạ, không tự tin khi trò chuyện bày tỏ với thầy cô và bạn bè, tự ti, xấu hổ và thường xuyên vắng học. Chính vì vậy, làm thế nào để các em ham thích đến lớp và luôn cảm thấy “ Mỗi ngày đến trường là một ngày vui” từ đó tôi đem hết khả năng, sự nhiệt tình, nỗ lực phấn đấu của bản thân giúp đỡ các em tự tin, mạnh dạn hơn khi đến lớp.

Dựa trên những cơ sở trên, tôi đã thực hiện công tác của mình theo những nội dung sau:

- Xây dựng môi trường tinh thần giữa thầy và trò, giữa trò với trò.
- + Mỗi quan hệ giữa giáo viên và học sinh
- + Mỗi quan hệ giữa học sinh với học sinh.
- Tạo môi trường giao tiếp trong lớp học.
- Tạo môi trường giao tiếp bằng tiếng Việt trong cộng đồng.
- Tạo môi trường tiếng Việt ở gia đình.

3.3.1.2 Phương pháp:

- Phương pháp vấn đáp, thực hành.
- Phương pháp khảo sát thực tế, thực nghiệm.
- Phương pháp so sánh, đối chiếu kết quả.

3.3.2. Giải pháp thực hiện:

3.3.2.1. Xây dựng môi trường tinh thần giữa thầy và trò, giữa trò với trò.

+ Mỗi quan hệ giữa giáo viên với học sinh:

- Để học sinh có kỹ năng giao tiếp tốt, ứng xử với từng tình huống cụ thể, tôi thường xuyên quan sát học sinh và nhận thấy rằng trong giao tiếp hằng ngày của các em được phân chia thành hai nhóm:

- + Nhóm có kỹ năng giao tiếp tương đối tốt.

+ Nhóm có kỹ năng giao tiếp chưa tốt.

- Trong khi giảng dạy, đặc biệt là khi tổ chức các hoạt động rèn kỹ năng sống, tôi lựa chọn tình huống phù hợp với hai nhóm đối tượng. Nhóm giao tiếp tương đối tốt có cơ hội tiếp tục phát triển kỹ năng giao tiếp tốt hơn nữa, còn nhóm đối tượng có kỹ năng giao tiếp chưa tốt được rèn luyện và phát triển thêm kỹ năng của bản thân. Ngoài ra trong quá trình giao tiếp hằng ngày tôi tiến hành sửa câu nói cho các em học sinh trong mọi lúc, mọi nơi.

+ Ví dụ: Khi học sinh nhìn thấy cô giáo đến lớp các em liền chào (Chào cô) lúc này tôi liền sửa cho các em: (Chúng em chào cô ạ!) và giải thích cho các em, đó mới là câu chào đầy đủ, thể hiện được sự lễ phép của học trò đối với thầy cô giáo.

- Ban đầu tôi hướng dẫn cho các em nói theo lời cô giáo. Tiếp theo tôi tổ chức cho các em trải nghiệm thực tế bằng cách đóng vai vào các trò chơi dân gian. Qua việc trải nghiệm các em sẽ tự mình học được các lời nói đúng, lời nói sai.

- Từ những việc làm trên, các em trong lớp đã biết nói đầy đủ câu, biết ứng xử với những tình huống cụ thể, không còn hiện tượng nói trống không. Bên cạnh đó thông qua việc đóng vai, tạo thêm cho các em thói quen giao tiếp mạnh dạn hơn khi đứng trước đám đông.

- Thái độ, cách ứng xử, ngôn ngữ: Ngôn ngữ giáo viên sử dụng có ảnh hưởng rất lớn tới việc học và hình thành nhân cách của học sinh, các em luôn đòi hỏi ở thầy cô của mình tình cảm thân thiết và sự ân cần, công bằng. Giáo viên cần tạo cho các em có cảm giác mình được chào đón ở lớp học, khi các em trả lời sai các em cần biết được rằng các em không bị các bạn chê cười. Giáo viên nên nhanh chóng biết tên và nắm được hoàn cảnh của các em ngay từ khi nhận lớp, thường xuyên hỏi han, trò chuyện với các em để tạo sự cởi mở, thân thiện, gần gũi.



Hình 2: Tập thể lớp 1C + 2

- Giáo viên cần cho học sinh thấy mình được tôn trọng về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc, thường xuyên quan tâm đến chỗ ngồi của các em trong lớp. *Ví dụ nếu một bé gái ngượng ngùng vì sợ cô giáo hỏi không trả lời được thì có thể để cho em ngồi ở vị trí thích hợp làm cho các em tự tin hơn.*

- Giáo viên cần chú ý đến các em hay bị bắt nạt, quan sát, tìm kiếm xem dấu hiệu gì khiến các em ngày càng căng thẳng. Ví dụ như: buồn bã, lo lắng khi rời khỏi lớp học...giáo viên cần ghi chép ngay và kịp thời tìm ra các biện pháp khắc phục.

- Giáo viên cần tạo cơ hội cho học sinh bày tỏ ý kiến về những quyết định ảnh hưởng đến môi trường học tập của mình.



Hình 3: Học sinh tri bài với

+ **Mối quan hệ giữa học sinh với học sinh:** Đây là mối quan hệ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình học tập và giao tiếp bằng tiếng Việt của các em. Là môi trường giúp cho các em cởi mở và dễ dàng phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt. Vì thế giáo viên cần tạo cho các em làm việc trong các nhóm nhỏ, các em sẽ được học nhiều từ bạn bè để từ đó các em có thể làm những việc mà trước đây mình không dám làm, còn rụt rè trước lớp. Thông qua đó các em có thể học được một số kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt trong hoạt động nhóm với bạn bè của mình. Khi học sinh làm việc nhóm thì giáo viên cần gần gũi, quan sát xem các em hợp tác ra sao để có biện pháp giúp đỡ kịp thời.



Hình 4,5: Học sinh hoạt động nhóm có sự HD của cô giáo

3.3.2.2 Tạo môi trường giao tiếp trong lớp học.

Ngay từ đầu năm vào nhận lớp thì việc ổn định nề nếp lớp học cho các em rất quan trọng, sau khi các em ổn định tôi dần dần định hướng cho các em thói quen tập nói các câu khi lên bảng đọc bài, nhận xét bạn để các em bước đầu có cảm giác thoải mái tự tin hơn, một số câu như: *Mình mời các bạn cùng nhìn bảng đọc bài, Mình mời các bạn nhận xét; Thưa cô bạn trả lời đúng rồi hoặc bạn làm đúng rồi; Mình mời bạn A lên bảng đọc bài...*

Giáo viên tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt cho các em không chỉ ở môn Tiếng Việt mà còn lồng ghép vào nhiều môn học. Tuy

nhiên, trong quá trình dạy tiếng Việt cho các em, giáo viên nên dành nhiều thời gian cho phần luyện nói để phát triển, cung cấp thêm một số vốn từ cho các em. Không những thế, giáo viên cần phải sửa sai, uốn nắn câu trả lời cho các em để hoàn chỉnh hơn. Tập cho các em nói câu trả lời hoàn chỉnh một cách đầy đủ, không trả lời cộc lốc.

Ví dụ như: *Khi giáo viên hỏi các em hãy quan sát tranh và cho cô biết “ Tranh vẽ con gì?”, có thể học sinh quan sát tranh và trả lời là “ Hươu, nai, gà trống, gà mái, sóc ở (Bài 3 : Câu hỏi của sói)” thì giáo viên uốn nắn sửa sai liền để tạo cho các em mạnh dạn khi nói câu trả lời: “ **Tranh vẽ con hươu, nai, gà trống, gà mái, sóc**”. Có thể giáo viên cho các em đọc đi đọc lại nhiều lần. Từ đó giáo viên khai thác tiếp nội dung của tranh cho học sinh luyện nói tiếp bằng cách hỏi đáp: + **Đây là con gì? Con hươu, nai, gà trống, gà mái, sống ở đâu? Con hươu ăn gì? Con gà thích ăn gì? Con gì biết gáy? Con gì nào chạy nhanh nhất?...***

Giáo viên cần tận dụng tối đa các tình huống thực trong quá trình dạy học, giáo viên thường xuyên đặt câu hỏi và hướng dẫn các em tự đặt câu hỏi, dạy cách giao tiếp với người lớn trong trường, tăng cường tổ chức các hoạt động tập thể như trò chơi, văn nghệ, ... Xây dựng các tình huống giả định để các em đóng vai, tạo tình huống và hướng dẫn học sinh xử lý tình huống khi đóng vai vào các nhân vật. Ngoài ra giáo viên nhắc nhở các em sử dụng tiếng Việt để giao tiếp với bạn bè trong giờ học.

Giáo viên cần chú trọng đến việc sinh hoạt 15 phút đầu giờ. Tuy thời gian ít nhưng giáo viên cần tạo cho các em không khí thoải mái khi bước vào tiết học, lồng ghép vào đó giáo viên tăng cường khả năng giao tiếp cho các em bằng các trò chơi, đóng vai, biểu diễn bài hát hoặc có thể cho mỗi em chuẩn bị một câu chuyện, câu đố vui ở nhà lên kể, đố trước lớp cho các bạn nghe... Thông qua đó giáo viên cũng sẽ dễ dàng cung cấp thêm một số vốn từ cho các em, giúp các em dễ nhớ và mạnh dạn, tự tin hơn.



Hình 6 : Học sinh tham gia đóng vai

Trong lớp học tôi còn xây dựng môi trường giàu chữ viết cho các em như: thẻ tên học sinh trong lớp, các thẻ chữ cái giúp các em nhận biết và viết được các chữ cái tiếng Việt, các loại truyện tranh có chữ viết to cho các em đọc ...

Giáo viên cần đổi mới các phương pháp và cách thức trong dạy học, tăng cường tổ chức cho các em làm việc theo nhóm để giúp các em mạnh dạn trình bày ý kiến của mình. Đặc biệt khi dạy các bài ôn tập có phần kể chuyện, giáo viên nên dựng tình huống cho các em đóng vai vào các nhân vật để các em cảm nhận được tình cảm, cảm xúc các nhân vật, từ đó các em mạnh dạn biểu hiện cử chỉ thái độ của nhân vật và giúp các em có thể chọn lọc một số từ mới có trong câu nói của nhân vật mình diễn xuất, không những thế mà nó còn giáo dục kỹ năng sống cho các em.

Ví dụ: Trong bài 3 “*Khi mẹ vắng nhà*”, giáo viên có thể phân vai và hướng dẫn các em nắm nội dung lời nói từng nhân vật, sau đó giáo viên phân vai cho các em: 1 em đóng vai Sói, 1 em đóng vai dê mẹ, 1 số em đóng vai dê con, và giáo viên sẽ là người dẫn truyện để dẫn dắt các em vào truyện. Giáo viên có thể gợi ý lời kể của các nhân vật bằng cách đặt ra các câu hỏi gợi ý để các em nắm được đặc điểm của từng nhân vật, chia lớp thành nhóm để kể thi với nhau.

Ngoài ra, trước khi soạn tiết kể chuyện giáo viên cần phải nghiên cứu kĩ câu chuyện và có thể biên tập lại các bài kể chuyện sử dụng một số ngôn từ dễ hiểu hơn, giản lược các chi tiết rườm rà, dẫn dắt vài dòng để câu chuyện ngắn gọn lại còn khoảng 3 - 5 chi tiết chính trong câu chuyện để các em dễ nhớ và có thể dễ dàng diễn đạt bằng ngôn ngữ của mình.

Ví dụ: Đoạn 1 truyện gốc “**Rùa và Thỏ**” trong sách giáo viên lớp 1 cụ thể như sau:

Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, một con Rùa đang cố sức tập chạy. Một con Thỏ thấy thế liền mỉa mai:

- Chậm như rùa mà cũng đòi tập chạy.

Rùa đáp:

- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi coi ai hơn?

Thỏ ngạc nhiên:

- Chú em mà cũng dám chạy thi với ta sao? Ta chấp chú em một nửa đường đó!

Những chỗ giáo viên gạch chân trong câu chuyện gốc là những chỗ giáo viên cần lưu ý điều chỉnh khi biên tập lại cho học sinh dễ hiểu hơn. Còn lại là các chi tiết rườm rà.

Giáo viên có thể biên soạn lại đoạn truyện trên như sau:

Trên bờ sông, Rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ nhìn thấy vậy cười nói:

- Chậm như Rùa mà cũng đòi tập chạy.

Rùa đáp:

- Anh đừng có cười tôi. Tôi với anh thử chạy thi xem ai nhanh hơn nào?

Thỏ ngạc nhiên:

- Chú em dám chạy thi với ta sao? Ta chấp chú em chạy trước đó!

Ở các vùng miền núi, tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai nên việc sử dụng tiếng Việt trong nói và viết đầu năm học đối với lớp tôi rất khó khăn, các em

rất khó hiểu bài và diễn đạt nó. Để khắc phục tình trạng đó, tôi đã chọn những nội dung bài học gần gũi với cuộc sống của các em để việc học ngày càng thú vị hơn. Trong lớp tôi đã trưng bày một số đồ chơi truyền thống, các câu chuyện lịch sử, những chi tiết thú vị từ cuộc sống cộng đồng để đưa vào sử dụng như đồ dùng dạy học. Như vậy với hình thức vừa học vừa chơi, các em tiếp thu bài nhanh hơn, giúp cho việc đi học của các em trở nên thú vị, càng vui hơn. Chính điều đó cũng phần nào giúp các em mạnh dạn hơn khi giao tiếp với thầy cô, bạn bè, giúp vốn tiếng Việt càng được cải thiện.

Khâu trang trí lớp học cũng là một phần tạo cho các em không khí thoải mái, gần gũi hơn với môi trường học tập. Ở góc lớp tôi trưng bày cho các em một góc trang trí “ Góc tâm sự nhí ”, bắt đầu từ tuần 9 trở đi tôi thường định hướng cho các em viết những tâm sự của mình vào những bức thư có gắn tên mình với nhằm củng cố kiến thức các em vừa học, giúp các em dễ dàng thể hiện cảm xúc của mình.

Ví dụ: *Khi học về văn “ yêu ” vào cuối giờ học, tôi yêu cầu các em nói câu thể hiện tình cảm của mình đối với người thân khi đi xa sau đó viết vào tờ giấy bỏ vào thư của mình như: học sinh viết “con yêu mẹ”, “con yêu ba”,...*

Đối với một số em còn rụt rè, chưa mạnh dạn trong giao tiếp tôi nhắc nhở nhẹ nhàng kèm theo hướng dẫn đối với các em. Những em tiến bộ tôi cho lớp hoan nghênh bằng tiếng vỗ tay hoặc tặng một bông hoa may mắn. Trong quá trình soạn giảng cũng như dạy trên lớp tôi phân hóa theo đối tượng học sinh sao cho phù hợp với năng lực mọi học sinh trong lớp, nhất là những em còn chậm, chưa hoàn thành. Tôi thường tổ chức các trò chơi để vui thông qua hình thức giải câu đố ôn tập hết chương.

Tôi thường luyện nói cho các em học sinh mỗi tuần một giờ ngoài giờ lên lớp theo quy định và luyện đọc cho học sinh qua các giờ ra chơi. Ngoài ra tôi còn hướng dẫn đọc thêm ở nhà cùng với học sinh hoàn thành tốt cùng đọc hỗ trợ với những em gặp khó khăn trong nói và đọc. Giáo viên cần đặc biệt quan tâm tới các em, hướng dẫn những em học tốt cùng học, cùng trò chuyện

với các em bằng tiếng phổ thông.

Giáo viên cần tổ chức thêm các hoạt động với mục đích tăng cường kỹ năng sử dụng tiếng Việt thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp như thông qua các trò chơi có mục đích học ngôn ngữ, sinh hoạt ngoại khóa theo chủ đề/ chủ đề, tổ chức các hội thi trong nhà trường, trong lớp học (kể chuyện về Bác Hồ), các hoạt động thể dục thể thao, trò chơi dân gian. Thông qua các hoạt động này, các em có nhiều cơ hội thực hành tiếng Việt và các kỹ năng ngôn ngữ sẽ dần dần được cải thiện.

Ví dụ : Tổ chức các em chơi trò chơi theo nhóm để tìm từ chứa âm/ vần mới học bằng nhiều hình thức như


Hình thức 1: Ghép các âm thành tiếng mới như ghép âm mới v,x (bài 27) với các âm đã học (e, ê, o, ô, i, u, u) và các dấu thanh; đánh vần và đọc tiếng vừa ghép được: ve, vê, vo,vô,vi,vu, vu....

Hình thức 2: Hái hoa và đọc từ (Hoa là các thẻ từ đã ghi sẵn các từ cần học và các từ có chứa âm vần đang học trong bài), lần lượt từng học sinh lên hái hoa, đánh vần và đọc to từ đó trước lớp.

Hình thức 3: Học sinh nhặt đúng từ có các từ chứa âm, vần mới học. Học sinh làm việc theo nhóm nhặt đúng những từ có chứa âm mới học trong bài và đọc to tiếng đó trước lớp.

Đặc biệt là trong các tiết sinh hoạt lớp vào cuối mỗi tuần học tôi thường lồng ghép một số trò chơi nhằm phát triển ngôn ngữ cho các em hoặc tập cho các em đọc một số bài đồng giao để có thể cung cấp một số vốn từ gần gũi, dễ nhớ nhằm giúp các em có thể mạnh dạn, tự tin và phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt của mình hơn.

Ví dụ: Tổ chức cho các em chơi một số trò chơi thông qua đó các em nắm được một số từ ngữ nêu đặc điểm của từng con vật như:

 Trò chơi “ **Cua kẹp**” Giáo viên vừa nói, học sinh trả lời

Mẹ đi chợ mua rau (Học sinh hô to: Xanh)

Mẹ đi chợ mua cá (Học sinh hô to: Tươi)

Mẹ đi chợ mua cua (Học sinh hô to: Kẹp và các em nắm lấy tay bạn)

✚ Trò chơi “ bắt chước tiếng kêu của con vật”



Hình 7: Học sinh tham gia trò chơi

Trong thường ngày ngoài giờ lên lớp tôi thường tâm sự, trò chuyện với các em với những câu hỏi gần gũi thường ngày như: *Buổi sáng em thức dậy lúc mấy giờ?, Ai đã chuẩn bị thức ăn cho em?, Em ăn có ngon không?* hay tôi hỏi một số câu hỏi liên quan đến gia đình và học tập như: *Gia đình em có bao nhiêu người?, Mẹ em làm gì?, Em có em bé không?, Em có hay làm giúp công việc của mẹ ở nhà không?, Về nhà em có học bài và chuẩn bị bài không? Em thích nhất điều gì khi đến trường?...* Qua trò chuyện như vậy đối với các em tôi nắm được khả năng phát âm của từng em để từ đó có biện pháp và dành nhiều thời gian hơn giúp các em phát âm đúng, chuẩn. Đồng thời qua đó tôi giáo dục các em kỹ năng sống, giúp các em biết mình phải trả lời như thế nào để thể hiện phép lịch sự đối với người lớn và cách nói câu hoàn chỉnh để trả lời từ đó tạo cho các em cảm giác gần gũi, cởi mở hơn trong giao tiếp với mọi người xung quanh.

3.3.2.3 Tạo môi trường Tiếng việt ở gia đình:

Ngôn ngữ giao tiếp trong gia đình luôn diễn ra hằng ngày và ảnh hưởng rất lớn đến việc phát triển giao tiếp bằng tiếng Việt cho các em. Nếu chúng ta

biết phối hợp chặt chẽ với gia đình các em trong việc cung cấp vốn tiếng Việt thì việc phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt của các em càng tốt hơn vì vậy tôi tiến hành họp phụ huynh học sinh, thông báo kết quả học tập của các em cho phụ huynh nắm và không quên cho phụ huynh biết khả năng tiếp thu bài học bằng ngôn ngữ tiếng Việt của các em ra sao và rất mong phụ huynh hợp tác trong việc cung cấp tiếng Việt cho các em khi ở nhà. Đồng thời giáo viên cần tuyên truyền cho phụ huynh biết sự quan trọng về việc giao tiếp bằng tiếng Việt của các em trong học học tập và ở mọi lĩnh vực. Phụ huynh có thể dùng tiếng Việt để trao đổi với con em nhiều hơn, kèm cặp con em nhiều hơn trong việc phát âm đúng chữ cái nhất là nói thạo tiếng Việt để từ đó các em có thể nói rành hơn tiếng Việt đồng thời học tốt hơn. Hay nói cách khác cho phụ huynh thấy được tầm quan trọng của việc giao tiếp bằng tiếng Việt ảnh hưởng rất lớn đến việc học của con em mình. Để từ đó, yêu cầu và hướng dẫn phụ huynh thực hiện các việc: Tạo điều kiện về thời gian và nhắc nhở học sinh học bài (dành khoảng thời gian cố định trong ngày để con em học, không bắt làm việc nhà trong khoảng thời gian đó); trước tiên phụ huynh tạo cho con em mình góc học tập thoáng mát đầy đủ ánh sáng và luôn quan sát việc học của con em (Ví dụ: xem sách vở của con em sắp xếp có ngăn nắp không?, Khi học, con có chăm chú không?, Vở như thế nào?...); thỉnh thoảng hỏi con về việc học ở trường (bằng tiếng Việt); nhắc nhở con em xem radio, xem ti vi, xem sách báo (nếu có) và trao đổi nội dung nghe, đọc được với mọi người trong gia đình.

Ngoài những việc làm trên, qua các buổi họp phụ huynh tôi luôn tuyên truyền, phân tích để phụ huynh hiểu được và xóa dần các phong tục lạc hậu ở địa phương mình. Tôi cùng với Ban Giám Hiệu nhà trường phối hợp với các trường thôn tiến hành họp nhân dân để các dịp ăn tết, cúng cử được tiến hành vào các ngày thứ bảy, chủ nhật để không ảnh hưởng đến việc đến trường của các em học sinh. Phụ huynh cũng hạn chế việc cho học sinh nghỉ học không có lí do, trừ trường hợp ốm quá nặng. Hướng dẫn phụ huynh tạo góc học tập

cho các em như đóng bàn học bằng vật liệu có ở gia đình: tre, nứa, ván...chú ý độ cao, độ rộng của bàn ghế; chọn vị trí đặt bàn, trang trí góc học tập: thời khóa biểu, giấy khen, tranh ảnh (hướng dẫn các em tự làm)...

Đồng thời, vào thời gian rảnh giáo viên có thể đến nhà trao đổi, trò chuyện với phụ huynh và học sinh để từ đó không những tăng cường tiếng Việt cho các em mà còn giúp một số phụ huynh không biết tiếng Việt dần dần biết nói tiếng Việt và biết cách hướng dẫn các em học bài tốt hơn.

3.3.2.4 Tạo môi trường giao tiếp bằng tiếng Việt trong cộng đồng:

Môi trường giao tiếp bằng tiếng Việt trong cộng đồng cũng đóng vai trò rất quan trọng. Giáo viên cần phải vận động cộng đồng cùng giao tiếp với học sinh bằng tiếng Việt thông qua việc cùng phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động những người biết nói tiếng Việt giao tiếp bằng tiếng Việt với học sinh trong sinh hoạt (đặc biệt là các cán bộ xã, cán bộ đoàn thể trong xã và các phân hội phụ huynh để phối hợp kịp thời giúp học sinh có sự tiến bộ hơn trong giao tiếp).

Hướng dẫn cộng đồng hạn chế sử dụng tiếng mẹ đẻ mà dùng một số hình thức giao tiếp đơn giản bằng tiếng Việt với học sinh như: Khi gặp học sinh thì nhắc các em chào bằng tiếng Việt và mình cũng chào lại bằng tiếng Việt, hỏi các em một số câu đơn giản như: *Cháu học lớp mấy?, Cô nào dạy?, Hôm nay cháu có thuộc bài không? Cháu học được gì ở lớp?, Cô giáo có khen cháu không?...*

Các cán bộ đoàn thể trong cộng đồng nên hướng dẫn các em đọc các câu khẩu hiệu, áp phích, băng tin ngắn để các em quen sử dụng tiếng Việt.

Phối hợp với địa phương để có chương trình phát thanh dành cho thiếu nhi bằng cả hai thứ tiếng: tiếng dân tộc – tiếng Việt như đọc thơ, kể chuyện, hát, nêu gương tốt ở địa phương...

Phối hợp với Đoàn thanh niên xã tổ chức các hoạt động tập thể như lễ hội, văn nghệ, thể thao...

CHƯƠNG 4

KẾT LUẬN

4.1 Kết quả đạt được:

Qua các biện pháp tôi đã áp dụng trên đã thực sự giúp cho các em lớp 1 của tôi có sự tiến bộ một cách rõ rệt, kĩ năng giao tiếp của các em bằng tiếng Việt ngày càng tiến bộ vượt bậc, các em mạnh dạn tự tin hơn khi giao tiếp với người khác, không những thế các em tự tin trình bày những cảm xúc, suy nghĩ và giới thiệu về gia đình của mình trước đám đông, tình trạng các em lười và bỏ học giữa chừng được xóa bỏ, dần dần đưa chất lượng học tập của các em nâng dần. Cụ thể ngay từ đầu năm học các em trong lớp như Hồ Văn Hưng, Hồ Lê Xuân Hải,... rất rụt rè, nhút nhát khi giao tiếp và chậm tiếp thu bài học. Đến cuối học kì I các em đã mạnh dạn hơn trong khi sử dụng ngôn ngữ giao tiếp bằng tiếng Việt và chất lượng học tập cũng được tăng lên... Tôi xin dẫn chứng cụ thể số liệu về việc tăng khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt cho học sinh của lớp tôi từ đầu năm đến cuối học kì I (năm học 2022 - 2023) như sau:

Bảng thống kê ngôn ngữ giao tiếp của HS.

Thời điểm	Tổng số Hs	Học sinh nói mạch lạc		Học sinh nói đủ ý		Học sinh nói chưa đủ ý, nhút nhát	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Đầu năm	9	1	11,1	2	22,2	6	66,7
CHKI	9	3	33,3	4	44,5	2	22,2

4.2 Kết luận:

- Là giáo viên tiểu học cần có tâm huyết với nghề, yêu trẻ và thực sự có trách nhiệm cao.

- Cần trau dồi nghiệp vụ, sáng tạo, học hỏi và cần sự giúp đỡ của cấp trên. Tạo được mối liên kết giữa gia đình nhà trường và xã hội tạo ra được một môi trường sư phạm lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay và đáp ứng lòng mong mỏi của phụ huynh học sinh.

- Từ kết quả đạt được của vấn đề nghiên cứu và thực hiện, tôi có thể kết luận rằng: Để làm tốt một số biện pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp Tiếng Việt cho học sinh lớp 1, ta cần thực hiện tốt các vấn đề sau:

4.2.1 Về giáo viên:

- Giáo viên phải thực sự chịu khó, kiên trì và thường xuyên hay nhạy bén trong học tập và sinh hoạt. Cần áp dụng nhiều hình thức trong dạy học. Bản thân giáo viên cần phải gương mẫu, giao tiếp và nói chuẩn tiếng phổ thông.

- Giáo viên luôn đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn và tạo điều kiện cho học sinh tham gia tiếp xúc với mọi người xung quanh, tham gia hoạt động học tập và giao lưu với bạn bè để có thể lĩnh hội những kiến thức văn hóa, hình thành những kỹ năng sống phù hợp với từng lứa tuổi.

- Giáo viên và các bạn hợp tác với học sinh gặp những khó khăn thì quá trình hòa nhập của các em sẽ dễ dàng thuận lợi hơn và kết quả học tập, các hoạt động cũng sẽ được nâng cao hơn.

- Việc tạo ra sự sôi nổi, vui vẻ trong giờ học luôn đem đến cho học sinh những cảm giác thoải mái, đồng thời tạo điều kiện để giúp giáo viên đưa các em học sinh của mình vào giờ dạy một cách tự nhiên mà không phải khó khăn.

- Dù gặp bất cứ khó khăn, trở ngại nào thì bản thân người giáo viên cũng không được bị quan, phải tin tưởng vào học trò của mình, yêu thương các em thực sự, đem hết khả năng và lòng nhiệt huyết của mình để giảng dạy, tự phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ.

- Không những thế những lời động viên của giáo viên cũng là một liều thuốc tinh thần cho các em. Do vậy là những thầy cô giáo thì càng không thể quên rằng một chức năng không thể thiếu trong các chức năng của nghề giáo là động viên và khích lệ trẻ.

- Đôi lúc giáo viên cũng là cầu nối giữa các em học sinh với gia đình của mình, giúp cho phụ huynh nghe, cảm nhận được những ý muốn ham thích để từ đó không những nỗ lực của cô mà cả các em và gia đình của mình sẽ là khối đoàn kết giúp các em vượt ra khỏi rào cản này.

- Thường xuyên tham mưu với các cấp chính quyền địa phương, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tới gia đình học sinh, tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng trong toàn xã hội để học sinh khắc phục rào cản về ngôn ngữ một cách tốt nhất.

- Huy động các nguồn lực giúp học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ sách giáo khoa, văn phòng phẩm, mua tài liệu đọc thêm, dụng cụ thể dục thể thao hoặc các đồ dùng giải trí giờ ra chơi để thu hút các em hơn.

4.2.2 Về học sinh:

Thực hiện tốt các nhiệm vụ của người học sinh.

Chấp hành tốt nội quy của trường, của lớp.

Biết lắng nghe và tập trung chú ý bài giảng của thầy cô.

Mạnh dạn tự tin trong khi hỏi bài với thầy cô và trao đổi bài với bạn.

Giữ vệ sinh trường lớp: Biết bỏ rác đúng nơi quy định.

Đoàn kết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau.

Kính trọng, lễ phép vâng lời thầy cô.

4.2.3. Về phụ huynh:

Cần quan tâm hơn nữa đến việc học của con em mình. Xây dựng một góc học tập đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, phù hợp với lứa tuổi.

Kết hợp với nhà trường, cụ thể là giáo viên trong việc kiểm tra việc học để rèn luyện các kỹ năng học tập cho con mình

4.2.4 Về nhà trường:

Rất mong Nhà trường, Phòng Giáo dục tổ chức cho chúng tôi những buổi hội thảo, trao đổi kinh nghiệm với những chuyên đề thiết thực về “ Một số biện pháp nâng cao năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 1” để có thể hỗ trợ cho các giáo viên những vốn kinh nghiệm, góp phần góp phần khắc phục tình trạng học sinh không mạnh dạn, không hiểu tiếng phổ thông khi giao tiếp và lĩnh hội kiến thức nhằm nâng cao chất lượng dạy học theo tinh thần đổi mới.

4.3. Phạm vi áp dụng:

Qua áp dụng tại trường Tiểu học Trà Phong, thăm dò ý kiến của lãnh đạo và đồng nghiệp cùng trường, cũng như kết quả thu được tôi nhận thấy:

Với những vấn đề và giải pháp thực hiện nêu trên, tôi thiết nghĩ sẽ chia sẻ được với quý đồng nghiệp phần nào về kinh nghiệm của tôi để góp phần hoàn thiện nền giáo dục của nước nhà ngày càng tốt hơn.

Tôi thực hiện sáng kiến này không chỉ áp dụng với lớp tôi : lớp 1C, mà còn với các lớp trong toàn khối 1 tại Trường Tiểu học Trà Phong, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học và hoàn thành nhiệm vụ giáo dục của trường đề ra.

Vì vậy, tôi rất mong được sự giúp đỡ, đóng góp quý báu của cấp trên và đồng nghiệp để đề tài này được hoàn thiện và đạt kết quả cao hơn, đồng thời có thể được áp dụng rộng rãi trong việc tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt cho học sinh trong toàn huyện Trà Bồng.

4.4. Kiến nghị:

Muốn làm tốt một số biện pháp nâng cao năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 1 cần có sự quan tâm giúp đỡ của nhiều ban ngành, đoàn thể và Ban đại diện cha mẹ HS.

- Đối với các cấp các ngành chính quyền địa phương đặc biệt là ngành giáo dục cần tăng cường đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện, điều kiện hoạt động dạy học cho các trường miền núi.

- Đối với BGH nhà trường:

+ Cần thành lập nhiều câu lạc bộ để học sinh phát huy năng lực giao tiếp của mình.

- Đối với đồng nghiệp:

+ Phải lấy sự tiến bộ của học sinh làm niềm vui cho mình, bên cạnh đó cần phải có tuyên dương, khen thưởng để các em lấy đó làm động lực có thể mạnh dạn, tự tin hơn.

+ Thầy, cô giáo cần chú trọng trong việc trao đổi, học hỏi trong công tác giảng dạy rèn luyện học sinh. Luôn bồi dưỡng những kiến thức mới để áp dụng vào việc giảng dạy hằng ngày.

+ Người giáo viên cần phải nhiệt tình, hăng say trong công tác giảng dạy cũng như công tác hoạt động ngoài giờ.

+ Yêu thương, gần gũi thường xuyên quan tâm đến các em học sinh.

+ Giáo viên cần phải phối hợp với nhà trường, gia đình và xã hội để đưa ra các giải pháp hay giúp học sinh tiến bộ hơn trong học tập cũng như trong tất cả các hoạt động ngoài giờ.

- Đối với phụ huynh:

+ Đối với cha mẹ HS phải chú ý chăm sóc quan tâm con cái chu đáo hơn nữa, dành thời gian để giáo dục con cái và trao đổi kèm cặp con em giao tiếp tiếng Việt để từ đó các em có thể nói rõ ràng hơn tiếng Việt đồng thời học tốt hơn. Thường xuyên liên hệ với GVCN để biết về tình hình học tập của con em mình.

Trên đây là những điều hết sức tâm huyết mà tôi đã thực hiện và đạt được kết quả rất khả quan khi áp dụng đối với lớp của mình trong năm học này. Đó là những suy nghĩ và công việc mà tôi đã thực hiện trong thời gian qua, đây chưa phải là kinh nghiệm mới mẻ nhưng nó đã tác động rất lớn đến kết quả học tập của học sinh. Tôi hy vọng nó cũng phần nào giúp ích cho các thầy cô giáo đang công tác tại vùng núi xa xôi như tôi trong công tác chủ

nhệm lớp của mình. Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài này sẽ không tránh khỏi những mặt hạn chế, sai sót. Đây chỉ là một trong số ít biện pháp để giúp học sinh nâng cao năng lực giao tiếp Tiếng Việt. Trong quá trình công tác, chúng ta cần tìm hiểu, kết hợp linh hoạt nhiều phương pháp để đạt được hiệu quả cao hơn. Vì vậy, tôi rất mong được sự giúp đỡ, đóng góp quý báu của cấp trên và đồng nghiệp để đề tài ngày một hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

**DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG
KHOA HỌC SÁNG KIẾN
CẤP TRƯỜNG**

Trà Phong, ngày 09 tháng 03 năm 2023

(Tôi xin cam đoan đây là sáng kiến kinh nghiệm của bản thân thực hiện, không sao chép nội dung của người khác. Nếu vi phạm tôi xin chịu xử lý theo quy định).

Người thực hiện

Nguyễn Thị Khánh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn bản xác thực Số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22 tháng 1 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hợp nhất điều lệ trường Tiểu học (TT 41/2010/TT-BGDĐT và TT 50/2012/TT-BGDĐT).
2. Kế hoạch triển khai xây dựng “ Trường học thân thiện - học sinh tích cực”
- 3 . Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT: Quy định đánh giá học sinh tiểu học từ 20/10/2020 của Bộ Trưởng Bộ giáo Dục và Đào Tạo.
- 4 . Công văn hướng dẫn điều chỉnh việc dạy và học cho học sinh tiểu học.
5. Các tài liệu tham khảo khác.

